

Số: /ĐA-UBND

Vĩnh Bảo, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên (Từ hạng II lên hạng I),
Kế toán viên (Từ hạng IV lên hạng III) phổ thông công lập xã Vĩnh Bảo**

**PHẦN THỨ NHẤT
CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14);

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; số 08/2023/TT-BGD&ĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức; Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022.

Thực hiện Công văn số 2108/UBND-NVKTGS ngày 08/8/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất; Công văn 7452/SNV-CCVC ngày 22/9/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau hợp nhất; Công văn số 3313/UBND-NVKTGS ngày 31/12/2025 về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Công văn số 2083/SGDĐT-TCCB ngày 09/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc cấp xã.

Thực hiện Công văn số 2859/SGDĐT-TCCB ngày 14/05/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến về Đề án xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập trực thuộc xã Vĩnh Bảo và Công văn số 4139/STC-VP ngày 12/5/2026 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Công văn số 2755/SNV-CCVC ngày 27/5/2026 của Sở Nội vụ thành phố về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; Công văn số 3440/SGDĐT-TCCB ngày 02/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát công tác bổ nhiệm CDNN và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và Công văn số 3287/SNV-CCVC ngày 17/6/2026 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập xã Vĩnh Bảo.

Thực hiện Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. MỤC ĐÍCH

- Lựa chọn được những viên chức đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ viên

chức, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế;

- Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho viên chức; khắc phục những bất hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức;

- Động viên, khuyến khích viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

II. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và được cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng có văn bản cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

B. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG GIÁO VIÊN (Từ hạng II lên hạng I)

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

Viên chức giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi chung là giáo viên phổ thông công lập) đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập có nhu cầu dự xét thăng hạng lên các chức danh nghề nghiệp sau:

- *Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: hạng I (mã số V.07.03.27);*

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Căn cứ quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;
- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

Căn cứ quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng II lên hạng I, cụ thể như sau:

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.
- Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).
- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
- Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư Số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học vào các nhiệm vụ được giao.

+ Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục để phù hợp với học sinh, nhà trường, địa phương; hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy, giáo dục.

+ Tích cực, chủ động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.

+ Có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm các sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

+ Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ/ban/ngành/tỉnh trở lên; hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên; hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi từ cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới) trở lên.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Cụ thể:

+ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) hoặc giữ ngạch giáo viên tiểu học cao cấp (mã số 15a.203) được xác định là tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng CDNN của viên chức

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; hồ sơ xét nâng ngạch viên chức gồm có:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức (hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Các minh chứng đáp ứng những yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng quy định tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

e) Các minh chứng về bằng khen, giấy khen theo quy định tại Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của giáo viên được xếp theo đúng thứ tự hồ sơ kê trên và được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 05 mm.

Đối với các thành phần hồ sơ quy định và các minh chứng nộp kèm (nếu có) và mốc thời gian tính giữ CDNN và thời gian tốt nghiệp trình độ chuyên môn theo yêu cầu thì tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng CDNN chịu trách

nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng CDNN.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng:

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định cụ thể tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

3.1. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng không quá số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

3.2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

(1) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và được cụ thể hoá tại Điều 5 hoặc Điều 6 với giáo viên tiểu học của Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng được xác định trong số viên chức có thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp tại khoản 4 Mục III của Đề án này từ 1 cho đến hết chỉ tiêu theo từng đơn vị.

(3) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

Lưu ý: Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN lần này thì không được bảo lưu kết quả xét thăng hạng CDNN cho các kỳ xét thăng hạng CDNN lần sau.

4. Thứ tự ưu tiên trong xét thăng hạng

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

Thứ tự thành tích ưu tiên theo cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

(1) Huân chương lao động, Nhà giáo ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

(2) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Chiến sỹ thi đua thành phố/tỉnh; Bằng khen của Thành ủy/Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND thành phố/tỉnh (khen thưởng công trạng).

(4) Bằng khen của bộ, ban, ngành, thành phố, tỉnh (khen thưởng phong trào thi đua, khen thưởng đột xuất).

(5) Bằng khen của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội của thành phố/tỉnh.

(6) Chiến sỹ thi đua cơ sở.

(7) Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh.

(8) Giấy khen cấp huyện (cũ)/cấp xã (mới).

Lưu ý:

+ Thứ tự khen thưởng tính từ cao xuống thấp, khen thưởng công trạng trước, phong trào thi đua, đột xuất sau.

+ Các thành tích trong cùng một cấp độ là tương đương.

+ Nếu trong cùng mức cấp độ thành tích (ví dụ ở mức 7 - Giấy khen của các sở, ngành, đoàn thể cấp thành phố/Tỉnh) thì viên chức có số minh chứng nhiều hơn được xác định là thành tích cao hơn.

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Minh chứng để xét nội dung ưu tiên trên gồm: bản sao các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và các thông tin trong hồ sơ cá nhân (quy định thành phần hồ sơ đăng ký xét thăng hạng) làm căn cứ xác định nội dung ưu tiên.

Trong trường hợp xét theo thứ tự ưu tiên vẫn không xác định được người trúng tuyển thì kết quả xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

5. Thông báo kết quả xét thăng hạng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng

hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

c) Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) ... thì huỷ kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

IV. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VÀ DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu thăng hạng CDNN theo quy định

(Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý và hướng dẫn tại Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

TT	Cấp học	Hạng chức danh nghề nghiệp Hạng I (không tính lãnh đạo, quản lý)	Ghi chú
1	Tiểu học	Không quá 10%	- Số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung đảm bảo chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị. - Tạm thời không thực hiện xét thăng hạng CDNN với những đơn vị có tỉ lệ

			viên chức theo CDNN (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) ở Hạng vượt quá tỉ lệ quy định. - Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào hạng thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định.
--	--	--	--

2. Danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Căn cứ kết quả tổng hợp nhu cầu của các trường Tiểu học trực thuộc quản lý; Ủy ban nhân dân xã thẩm định và đề xuất số lượng, chỉ tiêu thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I của các trường trực thuộc quản lý.

(Chi tiết tại các phụ lục cơ cấu và phụ lục danh sách kèm theo)

C. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG KẾ TOÁN VIÊN (Từ hạng IV lên hạng III)

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

Viên chức đang ở vị trí việc làm kế toán và giữ hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp hạng IV, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kế toán viên trung cấp hạng IV (mã số V.06.032) có nhu cầu dự xét thăng hạng *Kế toán viên hạng III (V.06.031)*.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Căn cứ quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

Căn cứ quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, quy định xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kế toán viên hạng IV lên Kế toán viên hạng III:

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

+ Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

+ Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

+ Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

+ Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

+ Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- **Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

- **Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:**

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng CDNN của viên chức

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; hồ sơ xét nâng ngạch viên chức gồm có:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức (hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) về

các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

c) Bản sao các văn bản, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Các minh chứng đáp ứng những yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng quy định tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Các minh chứng theo Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức được xếp theo đúng thứ tự hồ sơ kê trên và được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 05 mm.

Đối với các thành phần hồ sơ quy định và các minh chứng nộp kèm (nếu có) và mốc thời gian tính giữ CDNN và thời gian tốt nghiệp trình độ chuyên môn theo yêu cầu thì tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, viên chức có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng CDNN chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng CDNN.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, CÁCH XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Nội dung xét thăng hạng:

Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định cụ thể tại Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

3. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng:

a) Là người đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng CDNN trên cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của hạng dự xét.

4. Thông báo kết quả xét thăng hạng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

c) Trong trường hợp Hội đồng xét thăng hạng đã thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng mà phát hiện viên chức trúng tuyển vi phạm các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật; sử dụng các văn bằng, chứng chỉ, văn bản không hợp lệ (nộp trong hồ sơ dự xét thăng hạng) ... thì huỷ kết quả trúng tuyển với viên chức đó, đồng thời không bổ sung viên chức khác thay thế.

IV. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VÀ DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỬ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu thăng hạng CDNN theo quy định

(Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân về việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý và hướng dẫn tại Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)

TT	Cấp học	Hạng chức danh nghề nghiệp (không tính lãnh đạo, quản lý)	Ghi chú
		Hạng III trở xuống	

TT	Cấp học	Hạng chức danh nghề nghiệp (không tính lãnh đạo, quản lý)		Ghi chú
		Hạng III trở xuống		
1	THCS	Không quá 40%		- Số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung đảm bảo chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị. - Tạm thời không thực hiện xét thăng hạng CDNN với những đơn vị có tỉ lệ viên chức theo CDNN (không bao gồm lãnh đạo, quản lý) ở Hạng vượt quá tỉ lệ quy định. - Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì số còn thiếu được cộng vào hạng thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định.

2. Danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ kết quả tổng hợp nhu cầu của các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trực thuộc quản lý; Ủy ban nhân dân thẩm định và đề xuất số lượng, chỉ tiêu thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Kế toán viên hạng IV lên Kế toán viên hạng III của các trường trực thuộc quản lý.

(Chi tiết tại các phụ lục cơ cấu và phụ lục danh sách kèm theo)

D. DỰ KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên (Từ hạng II lên hạng I), Kế toán viên phổ thông công lập (Từ hạng IV lên hạng III) theo quy định. Thành phần Hội đồng xét thăng hạng dự kiến có 07 thành viên gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND xã.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.
- Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng:

+ Dự kiến số lượng: 05 người: Thành phần tham gia: các trường Tiểu học, Trung học cơ sở cử đại diện 01 lãnh đạo quản lý có chuyên môn liên quan tới việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập tham gia thành viên Hội đồng (tổng số 02 thành viên); 01 lãnh đạo phòng Kinh tế; 02 chuyên viên phòng Văn hóa - Xã hội, chuyên môn liên quan tới việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, Kế toán viên phổ thông công lập tham gia thành viên Hội đồng (trong đó 01 chuyên viên là Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng).

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ); Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

D. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, KINH PHÍ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

- Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Dự kiến tổ chức trong tháng 7/2026.
- Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo, số 02 đường 20/8, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
- Kinh phí tổ chức xét thăng hạng: Nguồn chuyên môn nghiệp vụ - công tác thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập từ hạng II lên hạng I; nhân viên kế toán từ hạng IV lên hạng III sau khi Đề án đã được các Sở liên quan phúc đáp bằng văn bản.
- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng xét thăng hạng CDNN giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quản lý năm 2026.

- Thành lập Ban Giám sát xét thăng hạng CDNN giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quản lý năm 2026.

- Phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nhân viên mầm non, phổ thông công lập trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu UBND xã xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quản lý năm 2026 (kèm phụ lục cơ cấu và phụ lục danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp) và gửi Sở Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến trước khi gửi Sở Nội vụ quyết định chỉ tiêu theo quy định.

- Sau khi Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính cho ý kiến, Sở Nội vụ quyết định chỉ tiêu thăng hạng, tham mưu UBND xã thông báo công khai Đề án xét thăng hạng; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nhân viên mầm non, phổ thông công lập trực thuộc UBND xã năm 2026 theo đúng quy định.

- Lưu giữ, quản lý hồ sơ viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, nhân viên đảm bảo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện rà soát, tổng hợp hồ sơ; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức giáo viên, nhân viên được cử dự xét thăng hạng.

- Lập danh sách đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng viên chức giáo viên, nhân viên gửi Ủy ban nhân dân xã thẩm định theo quy định.

II. TRÁCH NHIỆM HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2026

- Chịu trách nhiệm tổ chức xét thăng hạng CDNN viên chức theo Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Hội đồng xét thăng hạng được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án theo quy định sau khi có ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ.

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án; niêm yết công khai Đề án tại trụ sở làm việc và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã (Đề án đã được phê duyệt) để viên chức được biết.

- Tham mưu Quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Tổng hợp danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kỳ thi xét thăng hạng viên chức và báo cáo Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Giúp Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

+ Tổ chức xét thăng hạng theo quy định và tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã về kết quả xét thăng hạng.

+ Thông báo kết quả xét thăng hạng đến viên chức dự xét.

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức.

+ Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt kết quả xét thăng hạng.

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển theo thẩm quyền.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện rà soát, tổng hợp hồ sơ; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức giáo viên được cử dự xét thăng hạng.

- Lập danh sách đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng viên chức giáo viên gửi Ủy ban nhân dân thẩm định theo quy định.

Trên đây là Đề án tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên (Từ hạng II lên hạng I), Kế toán viên (Từ hạng IV lên hạng III) phổ thông công lập của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo. Đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các trường: TH, THCS;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Đức